CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Tập đoàn Tiên Sơn Thanh Hóa

Ngày 30/06/2025	3,080 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-1.9%	**-4.6%**	**-**

DT thuần
Q2/25
179
tỷ VNĐ
QoQ: ▼28.0| -13.4%
YoY: ▼1.00| -0.4%

LN thuần
Q2/25
7.18
tỷ VNĐ
QoQ: ▼5.92| -45.2%
YoY: ▲ 6.30| 716%

LN sau thuế
Q2/25
4.82
tỷ VNĐ
QoQ: ▼4.66| -49.2%
YoY: ▲ 0.45| 10.2%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
9.3%
YoY: +/-▲ 0.8%

ROE (TTM)
Q2/25
0.7%
YoY: +/-▲ 0.1%

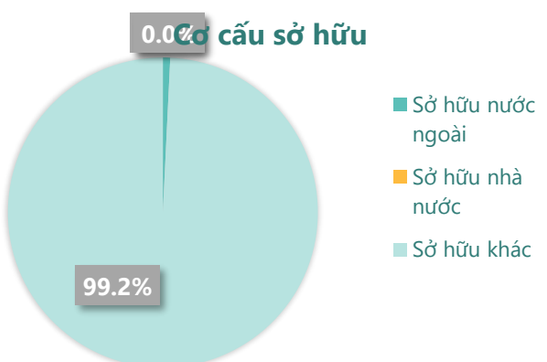
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	2,600 - 4,160
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	218
Số lượng CPLH (CP)	70,819,103
KLGD BQ 20 phiên (CP)	99,875
Sở hữu nước ngoài	0.8%
Beta	0.69
EPS	70
P/E	44.1

DT thuần
6T 2025
386
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 2.00| 0.5%

LN thuần
6T 2025
20.3
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 16.0| 373%

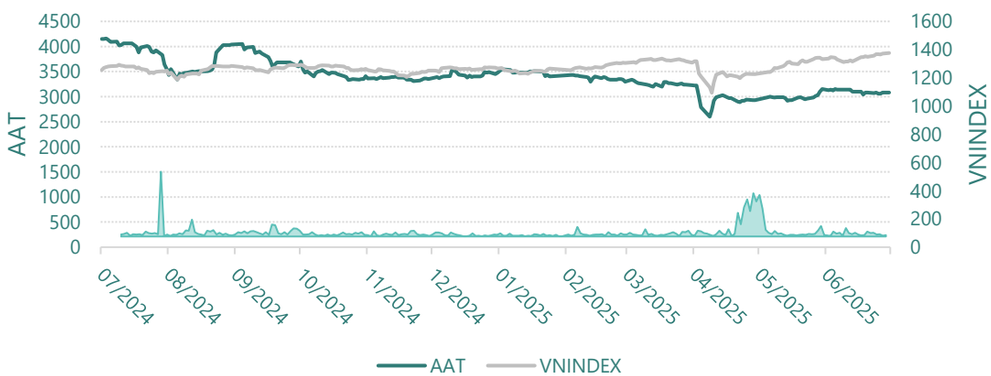
LN sau thuế
6T 2025
14.3
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 7.81| 120%

Cơ cấu sở hữu

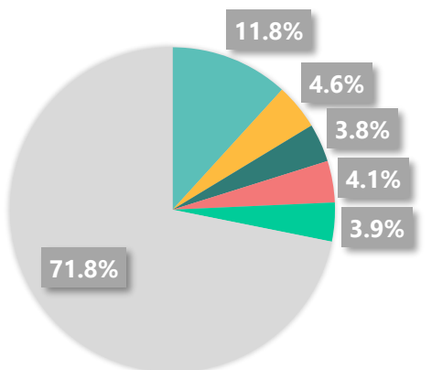


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

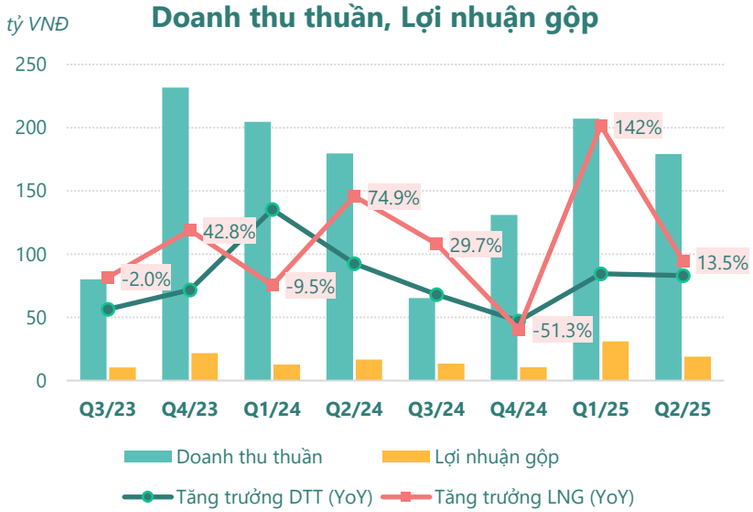


Trịnh Xuân Lâm (Chủ tịch HĐQT)
Nguyễn Thị Hoa
Trịnh Xuân Hà
Mai Thị Hiền
Lê Thị Ngọc Anh
Khác

(Nguồn: fireant.vn)

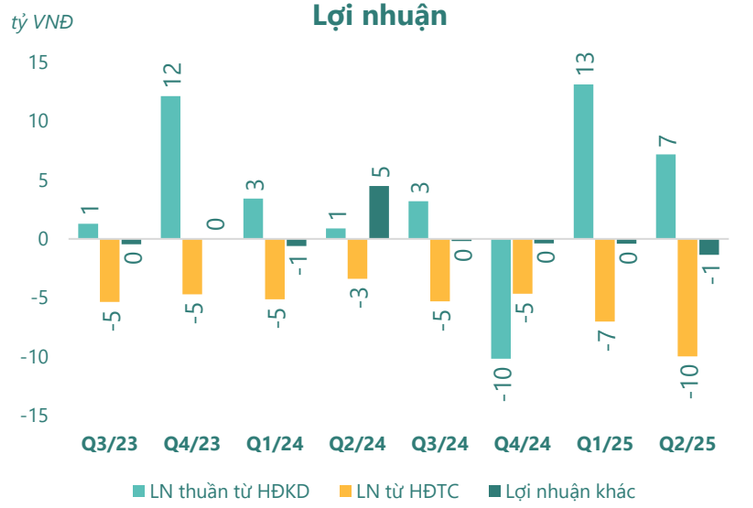
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



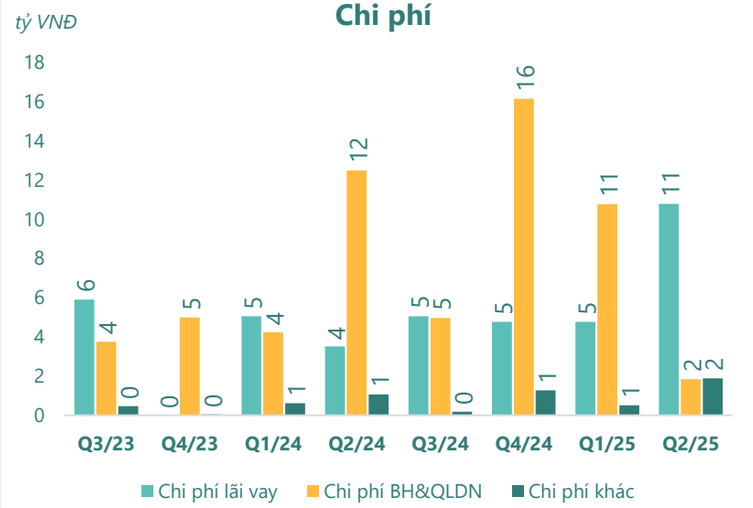
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



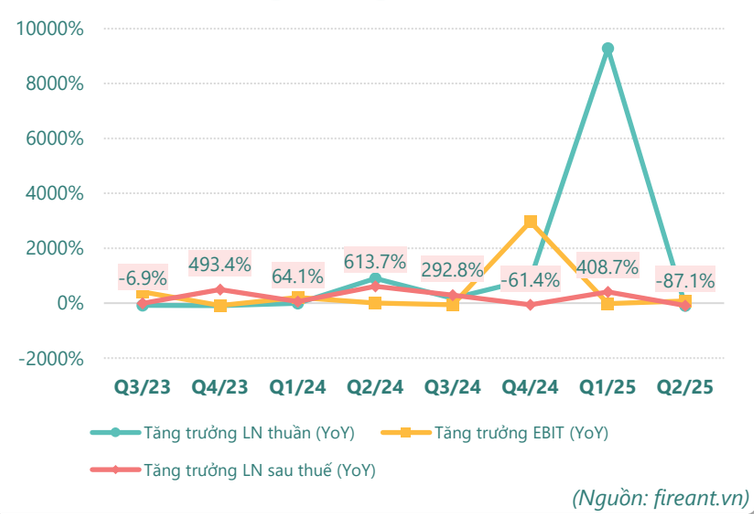
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



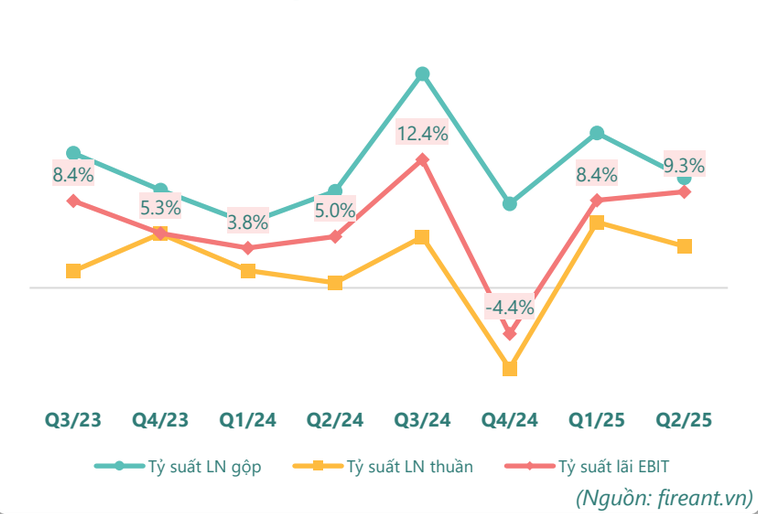
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



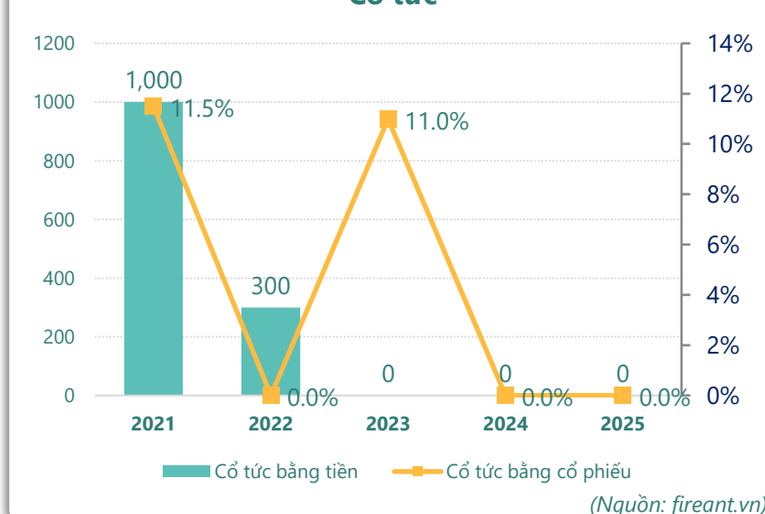
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

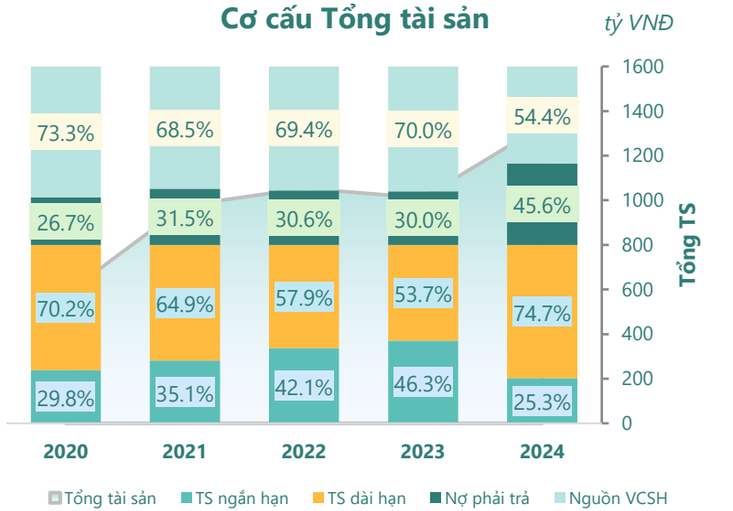
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

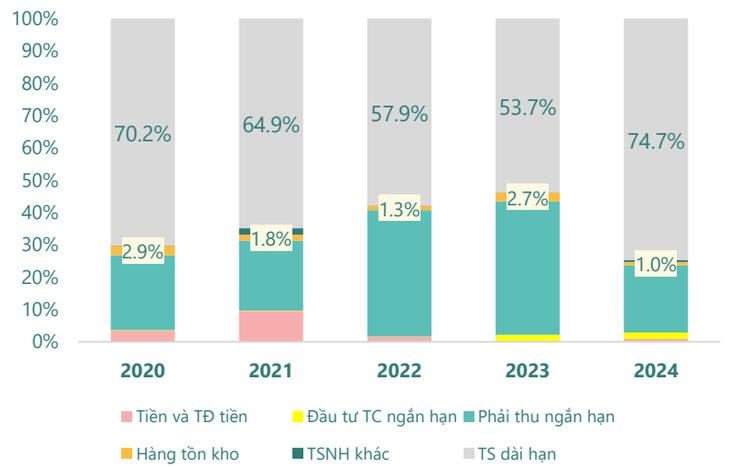
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



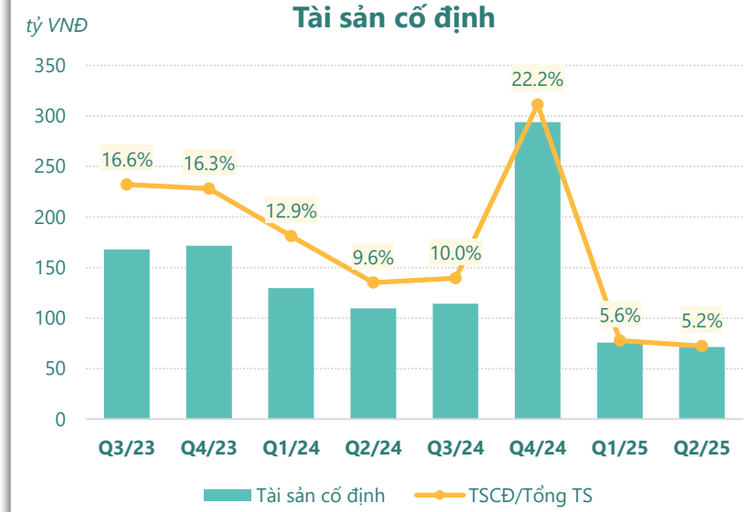
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



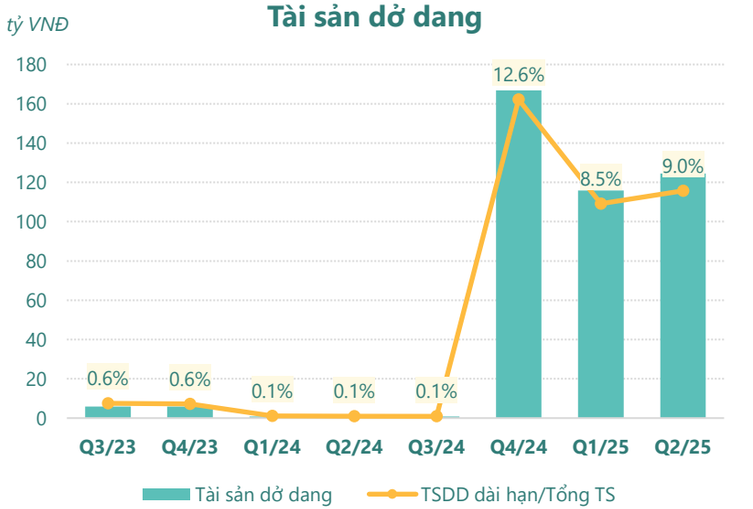
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



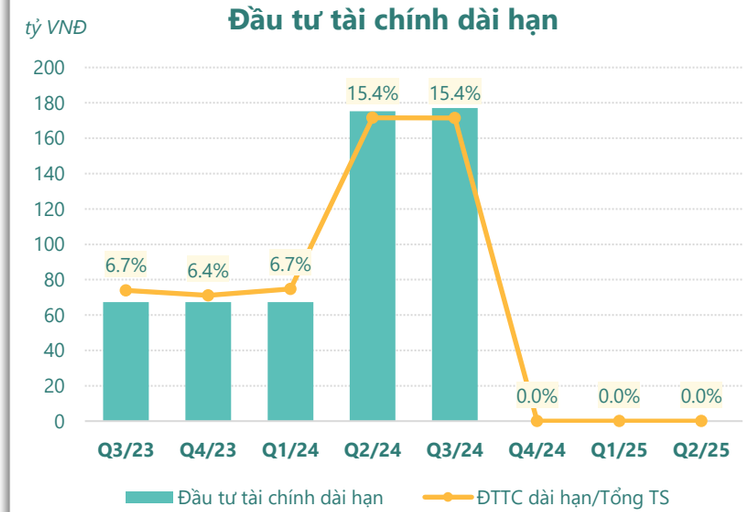
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



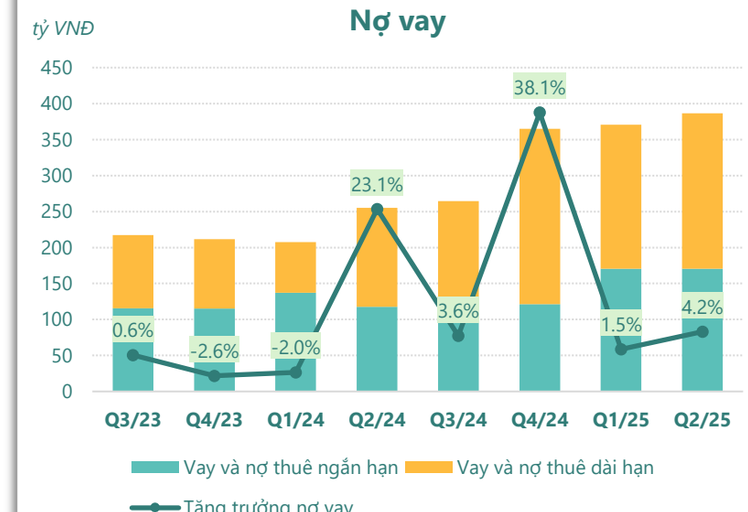
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

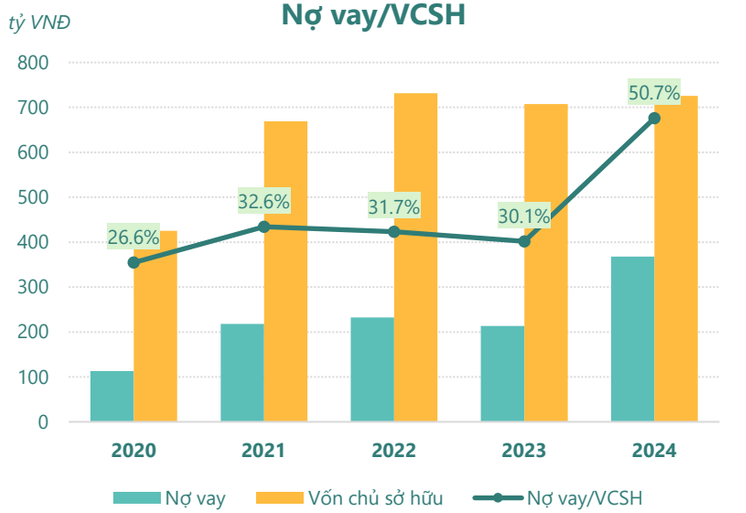
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

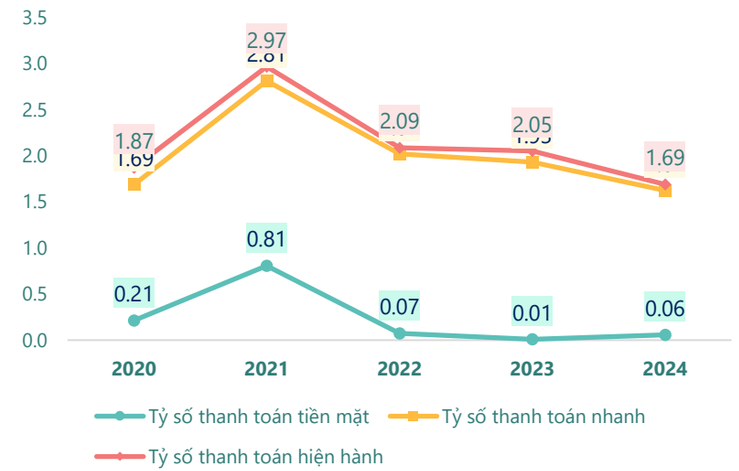
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



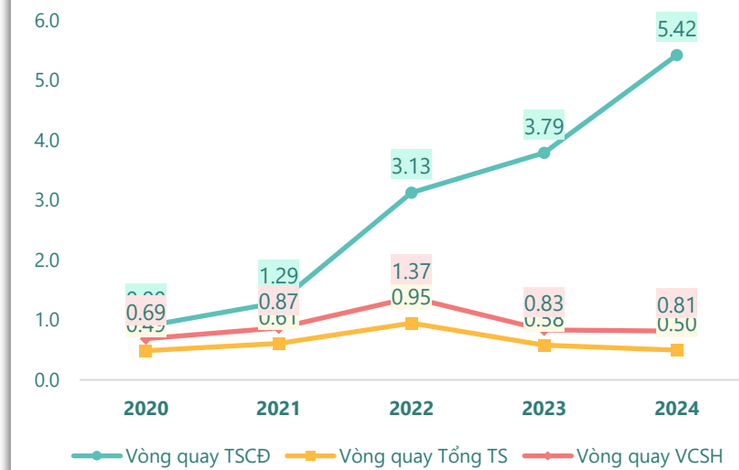
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



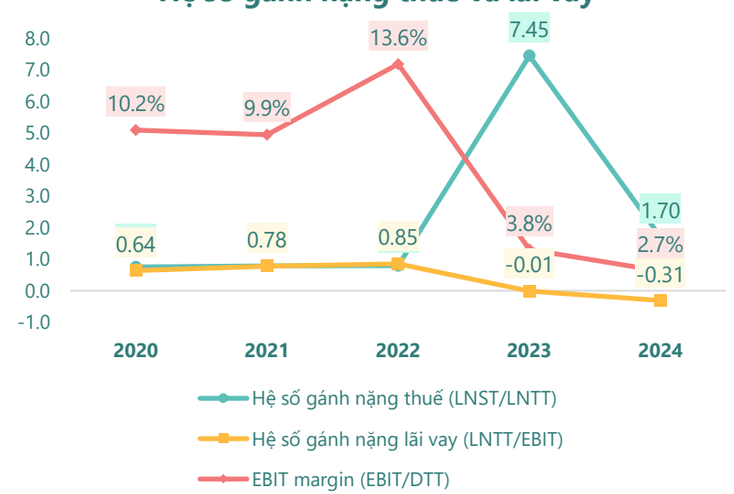
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



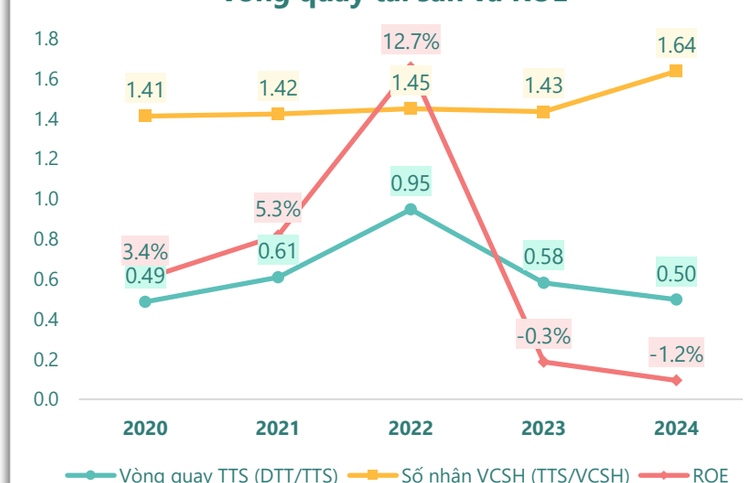
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



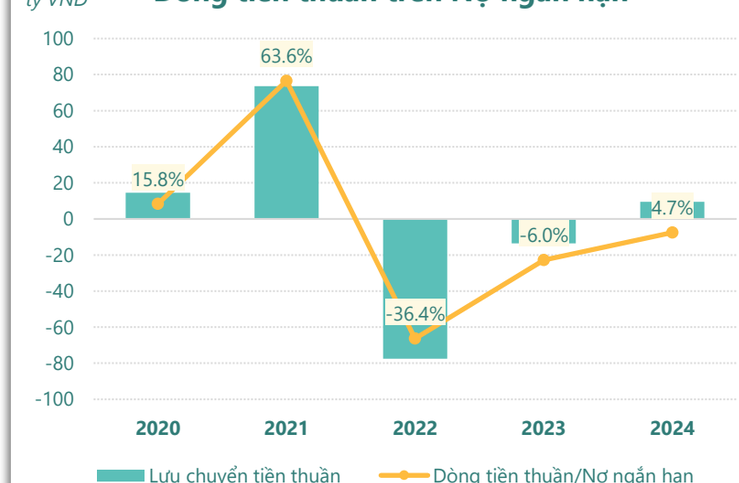
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**179**	**180**	**-0.4%**	**386**	**384**	**0.5%**
Giá vốn hàng bán	160	163	-1.7%	336	355	-5.2%
Lợi nhuận gộp	19.0	16.8	13.2%	50.0	29.5	69.2%
Doanh thu HĐTC	-0.20	1.66	-112%	0.80	1.76	-54.4%
Chi phí TC	9.79	5.05	93.9%	17.8	10.3	73.4%
Chi phí lãi vay	10.8	3.51	207%	15.5	8.56	81.6%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	1.09	3.77	-71.0%	5.70	5.31	7.3%
Chi phí QLDN	**0.75**	**8.72**	**-91.4%**	**6.91**	**11.4**	**-39.4%**
LN thuần từ HĐKD	7.18	0.88	716%	20.3	4.30	373%
Lợi nhuận khác	**-1.34**	**4.51**	**-130%**	**-1.75**	**3.90**	**-145%**
LN trước thuế	5.84	5.39	8.4%	18.6	8.20	127%
Lợi nhuận sau thuế	**4.82**	**4.37**	**10.2%**	**14.3**	**6.49**	**120%**
LNST của CĐ cty mẹ	**5.12**	**4.37**	**17.3%**	**14.7**	**6.49**	**126%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	94.4	26.1	68.1	0	-1.38	99.0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-64.9	-73.0	35.1	0	5.07	-81.2
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-15.5	57.3	-90.7	0	1.71	16.9
Tiền đầu kỳ	2.08	16.0	26.5	0	11.5	16.9
Lưu chuyển tiền thuần	**14.0**	**10.5**	**12.5**	**0**	**5.40**	**34.7**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0.00
Tiền cuối kỳ	16.0	26.5	39.0	0	16.9	42.2

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,382**	**1,334**	**3.6%**
Tài sản ngắn hạn	434	338	28.4%
Tiền và tương đương tiền	42.2	11.5	267%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	22.5	26.6	-15.2%
Phải thu ngắn hạn	343	279	23.2%
Hàng tồn kho	15.6	13.3	17.8%
Tài sản ngắn hạn khác	10.6	8.26	28.9%
Tài sản dài hạn	**948**	**996**	**-4.8%**
Phải thu dài hạn	45.1	97.2	-53.6%
Tài sản cố định	71.4	78.8	-9.4%
Bất động sản đầu tư	572	511	11.9%
Tài sản dở dang	124	167	-25.4%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**64.7**	**66.8**	**-3.2%**
Lợi thế thương mại	71.0	75.7	-6.2%
Nợ phải trả	642	609	5.5%
Nợ ngắn hạn	**276**	**200**	**37.6%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	171	135	26.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	13.5	21.4	-36.7%
Nợ dài hạn	367	409	-10.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	216	233	-7.3%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**740**	**725**	**2.0%**
Vốn chủ sở hữu	**740**	**725**	**2.0%**
Vốn điều lệ	708	708	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)